

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
V/v tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lan.
- Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Đào Kim H, sinh năm 1989; HKTT: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Ông Điền Trúc L, sinh năm 1985; HKTT: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Điền Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; HKTT: Tổ H, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà H) trình bày:

Nguyên trước đây bà H và ông L là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Khi ly hôn thì hai bên không giải quyết về tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Trong quá trình chung sống thì bà H và ông L có tạo dựng tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 tường xây có tô nền gạch men có la phong xây năm 2016 có diện tích theo đo đạc thực tế là 91m² và mái che khung sắt nối liền với nhà chính làm năm 2016 có diện tích 11,8m². Tài sản này được xây dựng trên phần đất của cha mẹ ông L là ông Điền Văn T đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00316 ngày 24/3/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp.

Nay bà H yêu cầu ông L chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 và mái che. Bà H yêu cầu nhận tiền, không yêu cầu nhận hiện vật. Tất cả những vật dụng của tiệm sửa xe bà H không yêu cầu chia.

Bà H thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2024; Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý tranh chấp số 1120-2024 ngày 31/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D; biên bản định giá ngày 19/3/2025.

Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 25/11/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn (ông L) trình bày:*

Ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H vì nhà và đất đều do cho mẹ ông H là ông Điền Văn T và bà Nguyễn Thị Đ tự bỏ tiền ra xây dựng. Tiền xây dựng nhà là do ông T và bà Đ giao tiền mặt cho ông để liên hệ với thợ xây dựng. Tuy nhiên ông không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án thể hiện việc này.

Đối với tài sản như tivi, tủ lạnh, máy may, kệ bán trà sữa, tủ đồ, quạt máy, bàn ghế và những vật dụng trong gia đình; xe máy Vision do ông đứng tên. Những tài sản này bà H lấy đi trước khi ly hôn thì ông L không yêu cầu giải quyết.

Đối với những khoản nợ ngân hàng 70.000.000 đồng theo 03 phiếu giao dịch ngày 06/6/2024 mà ông đã trả và số tiền nợ người hàng xóm 10.000.000 đồng, 1,5 cây vàng mượn của cô ruột thì ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông nhưng ông không đồng ý làm đơn phản tố và đóng tiền tạm ứng án phí.

Ông L thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2024; Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý tranh chấp số 1120-2024 ngày 31/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D; biên bản định giá ngày 19/3/2025.

Ngoài ra, ông L không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T, bà Đ) trình bày:*

Ông bà là cha mẹ ruột của ông Điền Trúc L. Bà Đinh Đào Kim H là con dâu của ông bà nhưng đã ly hôn với ông L. Phần đất thuộc thửa 518 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu H1 vào năm 2016 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp quyền sử dụng đất ngày 24/3/2016 cho ông Điền Văn T đứng tên. Khi ông bà nhận chuyển nhượng phần đất này thì trên đất là đất trống chưa có tài sản gì trên đất. Vừa được cấp quyền sử dụng đất xong là ông bà xây nhà trên đất (trong năm 2016).

Khi thấy ông L lấy vợ phải đi thuê nhà để ở nên ông bà mới mua đất và cất nhà cho con ở. Khi đó ông L làm việc ở ấp G, xã T (gần nhà hiện nay), còn ông bà sống ở Bình Phước, (ông Đ1 chạy xe thuê nên không thường xuyên ở nhà, bà Đ thì nội trợ) nên ông bà có giao cho ông L liên hệ thầu, vật liệu... để xây dựng nhà, tiệm sửa xe trên đất. Toàn bộ tiền xây dựng là do ông bà đưa cho ông L để thực hiện. Sau khi xây nhà xong thì ông bà giao cho vợ chồng Trúc L ở và quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông L ở từ đó cho đến khi vợ chồng ông L xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Hiện nay thì nhà và đất này ông L đang quản lý sử dụng.

Chi phí xây dựng nhà và tiệm sửa xe trên đất tổng cộng bao nhiêu thì ông bà không nhớ rõ vì thời gian đã lâu. Mỗi lần cần tiền là ông L điện về nói và ông bà gửi tiền xuống cho ông L.

Nay bà Đ2 yêu cầu chia đôi nhà và mái che trên đất thì ông bà không đồng ý vì nhà, mái che là do ông bà bỏ tiền ra xây dựng cho con là ông L ở, làm việc. Bà Đ2 không có bỏ tiền hay công sức gì vào khối tài sản này.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao căn nhà, mái hiên cho ông L quản lý và bà H được chia tài sản bằng tiền là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp, tương đương số tiền là 97.033.860 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đinh Đào Kim H khởi kiện ông Điền Trúc L yêu cầu chia tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà cấp 4 và mái che, bà H và ông L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Do đó quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông L có nơi cư trú tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T, bà Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[2] Về nội dung: Bà H yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 tường xây có tô nền gạch men có la phòng xây năm 2016 có diện tích theo đo đạc thực tế là 91m² và mái che khung sắt nối liền với nhà chính làm năm 2016 có diện tích 11,8m². Tài sản này được xây dựng trên thửa đất số 518 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS00316 ngày 24/3/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Điền Văn T thuộc quyền sử dụng của ông T, bà Đ. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông L không đồng ý.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2014 tại UBND phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận căn nhà cấp 4 và mái che trên đất được xây dựng năm 2016 là sau khi bà H và ông L đăng ký kết hôn. Ông L, ông T, bà Đ đều cho rằng căn nhà là do ông T, bà Đ bỏ tiền ra xây dựng, ông L là người liên hệ trực tiếp thầu cũng như mua vật liệu. Tuy nhiên, ông L, ông T, bà Đ không có chứng cứ gì chứng minh việc chuyển giao tiền xây dựng nhà. Ông T, bà Đ đều thừa nhận sau khi xây dựng nhà thì ông L, bà H sinh sống tại căn nhà trên cho đến khi ông L và bà H xảy ra mâu thuẫn ly hôn. Nguyên đơn bà H có cung cấp hợp đồng thi công và xây dựng nhà ở ngày 09/5/2016 do chính ông L ký.

Theo Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

...

3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”.

Do căn nhà và mái che là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bị đơn ông L không chứng minh được nguồn tiền từ việc xây nhà là của ông T, bà Đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà Đ không chứng minh được nguồn tiền từ việc xây dựng nhà và mái che là của ông T, bà Đ. Ông L thừa nhận là người trực tiếp liên hệ và làm việc với chủ thầu xây dựng là ông Huỳnh Tấn L1 ở ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông Huỳnh Tấn L1 cũng xác nhận chỉ làm việc với ông L trong suốt quá trình xây dựng nhà, điều này phù hợp với nội dung Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở ngày 09/5/2016 do bà H cung cấp. Ông T, bà Đ, ông L đều thừa nhận ông L, bà H quản lý sử dụng nhà và mái che từ khi xây dựng cho đến nay. Do đó có cơ sở xác định nhà cấp 4 có diện tích 91m² và mái che có diện tích 11,8m² xây dựng trên thửa đất số 518 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông L.

Xét công sức đóng góp của bà H và ông L đối với việc tạo lập tài sản chung: Trong quá trình chung sống, ông L làm nghề sửa xe, thu nhập của ông L dùng để trang trải cuộc sống trong gia đình. Bà H ở nhà làm việc nội trợ, chăm sóc 03 con nhỏ, có thời gian thì nuôi gà tăng gia sản xuất. Tuy phần lớn thu nhập gia đình là do ông L trực tiếp làm nhưng ông L và bà H là vợ chồng từ năm 2014 đến năm 2024, bà H sinh con, nuôi con và chăm sóc gia đình thì ông L mới có thời gian để làm nghề sửa xe và tạo ra thu thập. Cả ông L và bà H đều có công sức như nhau trong việc tạo lập, gìn giữ tài sản chung. Do đó, bà H yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà cấp 4 và mái che là có cơ sở chấp nhận.

Bà H yêu cầu được nhận phần giá trị tài sản tranh chấp là phù hợp. Bởi lẽ, căn nhà cấp 4 và mái che được xây dựng trên phần đất thuộc thửa đất số 518 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương do ông Điền Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Ông T là cha ruột của ông L. Do đó nên giao tài sản trên đất cho ông L, quản lý sử dụng và ông L có trách nhiệm thanh toán tiền lại cho bà H.

Theo biên bản định giá ngày 19/3/2025 thì căn nhà cấp 4 trị giá 190.499.400 đồng và mái che trị giá 3.568.320 đồng. Tổng cộng là 194.067.720 đồng. Do đó ông L có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền là 97.033.860 đồng.

[4] Đối với tài sản như tivi, tủ lạnh, máy may, kệ bán trà sữa, tủ đồ, quạt máy, bàn ghế và những vật dụng trong gia đình; xe máy Vision là những tài sản này bà H lấy đi trước khi ly hôn, ông L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Đối với khoản nợ ngân hàng 70.000.000 đồng theo 03 phiếu giao dịch ngày 06/6/2024 mà ông L đã trả và số tiền nợ người hàng xóm 10.000.000 đồng, 1,5 cây vàng mượn của cô ruột thì ông L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên ông L không làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí. Theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ*

giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Do đó, không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu này của ông L. Sau này ông L có làm đơn yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc 1.672.000 đồng và chi phí định giá 1.000.000 đồng. Bà H và ông L mỗi người chịu $\frac{1}{2}$. Bà H đã nộp xong nên ông L có trách nhiệm nộp để trả lại cho bà H.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 213, 219 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Đào Kim H đối với ông Điền Trúc L về việc “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Giao cho ông Điền Trúc L được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 kết cấu tường xây có tô nền gạch men có la phong xây năm 2016 có diện tích 91m² (14,8m² thuộc HLATĐB) và mái che khung sắt nối liền với nhà chính làm năm 2016 có diện tích 11,8m² (thuộc HLATĐB) trên phần đất thuộc thửa đất số 518 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00316 ngày 24/3/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Điền Văn T.

Buộc ông Điền Trúc L có trách nhiệm thanh toán cho bà Đinh Đào Kim H số tiền là 97.033.860 đồng (chín mươi bảy triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí đo đạc định giá: Chi phí đo đạc 1.672.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và chi phí định giá 1.000.000 đồng (một triệu

đồng). Bà Đinh Đào Kim H đã nộp xong. Ông Điền Trúc L có trách nhiệm nộp số tiền là 1.336.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) để trả lại cho bà Đinh Đào Kim H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đinh Đào Kim H chịu 4.851.693 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), được khấu trừ vào số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000474 ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. H2 lại cho bà Đinh Đào Kim H số tiền 2.648.307 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm lẻ bảy đồng).

Ông Điền Trúc L chịu 4.851.693 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trương Hữu Bình

Nguyễn Thị Lan

Đặng Thị Thùy Linh